

Số: 61 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 10 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Văn bản số 7238/BNV-CQĐP ngày 29/8/2025 của Bộ Nội vụ về việc tổng kết đánh giá thực hiện các quy định hiện hành¹ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động ở thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Tỉnh Gia Lai mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định², có tổng diện tích tự nhiên là 21.576,53 km², quy mô dân số 3.583.693 người; vị trí địa lý giáp tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Ngãi, Vương quốc Campuchia và Biển Đông.

Sau khi sắp xếp, tỉnh Gia Lai có 135 xã, phường (110 xã, 25 phường); trên địa bàn tỉnh có 2.693 thôn, tổ dân phố (665 tổ dân phố, 2.028 thôn).

Đến nay, chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Gia Lai đã từng bước đi vào hoạt động ổn định, vận hành theo hướng đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng quản trị, điều hành khoa học, hiệu quả.

Tuy mới thành lập, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và sự lãnh đạo của Đảng ủy UBND tỉnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, khắc phục, khó khăn, phát huy nội lực, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân và các dân tộc trên địa bàn tỉnh Gia Lai đạt được những thành quả quan trọng trên các lĩnh vực đời sống xã hội, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; các lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

¹Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022); Nghị định số 33/2018/NĐ-CP ngày 10/6/2018 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

²Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (sau đây gọi là Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước đây) đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung về hoạt động của thôn, tổ dân phố để thực hiện nhiệm vụ vận động Nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia các hoạt động và thống nhất nhận thức, tư tưởng trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh³.

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết⁴ chế độ chính sách đối người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh, góp phần hỗ trợ chính sách cho các đối tượng phù hợp với điều kiện của địa phương, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao ở các địa bàn thôn, tổ dân phố.

2. Kết quả thực hiện

a) Về tổ chức của thôn, tổ dân phố

Mỗi thôn, Tổ dân phố có Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố; 01 Phó trưởng thôn/Tổ dân phố.

Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Toàn tỉnh Gia Lai có 2.693 thôn, tổ dân phố⁵ (665 tổ dân phố, 2.028 thôn). Số lượng Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố là 1.800 người.

b) Về hoạt động của thôn, tổ dân phố

³ Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 08/4/2014, Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018, Quyết định số 59/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định (cũ); Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 về Quy định chi tiết một số nội dung về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thay thế Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh Gia Lai).

⁴ Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai trước đây; Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định trước đây.

⁵ Thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phun, sóc,...(gọi chung là thôn); Tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu,...(gọi chung là Tổ dân phố).

- Việc thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp và các công việc tự quản ở thôn, tổ dân phố.

Đối với những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân được chính quyền địa phương triển khai cụ thể xuống các thôn, tổ dân phố; trên cơ sở ý kiến đóng góp cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp và họp bàn quyết định.

Các chương trình và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn đều được nhân dân tham gia đóng góp ý kiến sát thực, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, giúp chính quyền cấp xã có những quyết định đúng đắn trong việc triển khai tổ chức thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, như họp triển khai đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh đều được tổ chức hội nghị (cuộc họp) cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn bạc, thảo luận và biểu quyết; trên cơ sở kết quả tán thành của cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố, chính quyền cấp xã triển khai thực hiện.

- Việc thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Những việc chủ yếu thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo.

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

- Việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân cấp xã đã chỉ đạo các thôn, tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân chủ yếu bằng hình thức tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo từng địa bàn thôn, tổ dân phố. Việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hương ước, quy ước thôn, tổ dân phố được Nhân dân bàn bạc, thảo luận, biểu quyết thông qua hội nghị đại diện hộ gia đình được kịp thời, đảm bảo dân chủ, Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc.

Hương ước, quy ước đã góp phần vận động nhân dân đoàn kết, giúp nhau giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tự quản của cộng đồng dân cư, huy động nguồn

lực để xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi, chung tay xây dựng nông thôn mới; việc xây dựng quy ước, hương ước đã có tác dụng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở; ý thức của người dân về bảo vệ môi trường được nâng lên, nhiều hộ dân tự nguyện tham gia hiến đất, góp tiền xây dựng cơ sở hạ tầng ở thôn, tổ dân phố, bảo vệ đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

- Về quy trình bầu cử, miễn nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Việc tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố được tổ chức thực hiện theo quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; quy trình, thủ tục bầu, miễn nhiệm được triển khai thực hiện chặt chẽ, tuân thủ theo hướng dẫn, dân chủ công khai, minh bạch, có sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp, hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở, đảm bảo theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Nhân dân bầu bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hiệp thương giới thiệu bầu và ra quyết định công nhận.

c) Về số lượng thôn, tổ dân phố và việc thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

- Số lượng thôn, tổ dân phố: 2.693 thôn, tổ dân phố (theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã thực hiện quy trình chuyển đổi thôn thành tổ dân phố hoặc ngược lại cho phù hợp với đơn vị hành chính mới hoặc đổi tên thôn, tổ dân phố do trùng tên, đảm bảo theo đúng quy trình quy định.

Cụ thể có 11 đơn vị hành chính cấp xã đã chuyển đổi 204 tên gọi thôn, tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính (cụ thể: 35 thôn chuyển đổi thôn thành tổ dân phố; 119 Tổ dân phố/khu phố đổi tên do trùng tên; 24 Tổ dân phố/khu phố đổi thành thôn; 26 thôn đổi tên do trùng tên).

d) Về nhiệm vụ, quyền hạn; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2012/TT-BNV được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

- Về tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Trưởng thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản.

Ngoài những tiêu chuẩn được quy định như nêu trên, thì Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố phải có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn sẽ được giới thiệu bầu bí thư (phó bí thư, cấp ủy) tại đại hội chi bộ.

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 2,5 năm (hai năm rưỡi); nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

đ) Về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hưởng hỗ trợ hàng tháng (theo Phụ lục 02 đính kèm)

- **Về mức phụ cấp:** Sau khi sắp xếp, tỉnh Gia Lai mới vẫn tiếp tục thực hiện mức hưởng phụ cấp, chế độ, chính sách hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia trực tiếp ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân⁶ của 02 tỉnh trước đây, cụ thể:

*** Đối với tỉnh Gia Lai (cũ):**

- Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận.

+ Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ: ⁽¹⁾ Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố: 1,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng; ⁽²⁾ Trưởng Ban Công tác Mặt trận: 1,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Đối với thôn, tổ dân phố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ: ⁽¹⁾ Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố: 1,35 lần mức lương cơ sở/người/tháng; ⁽²⁾ Trưởng Ban Công tác Mặt trận: 1,25 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Chức danh, mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn/Tổ dân phố; Chi

⁶ Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định.

hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh): Mức hỗ trợ 0,75 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

*** Đối với tỉnh Bình Định (cũ):**

- Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (khu phố), gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận.

+ Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở xã đảo; trường hợp thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng mức phụ cấp bằng 2,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Đối với các thôn, khu phố còn lại: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng mức phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Chức danh, mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (gồm: Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố (khu phố); Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh):

+ Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố (khu phố): 1.260.000 đồng/người/tháng;

+ Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 540.000 đồng/người/tháng.

- Về thực hiện kiêm nhiệm chức danh

*** Đối với tỉnh Gia Lai (cũ)**

+ Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng mức hỗ trợ tương ứng quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

*** Đối với tỉnh Bình Định (cũ)**

+ Người kiêm nhiệm các chức danh mà giảm được 01 (một) người thì được hưởng 100% mức phụ cấp kiêm nhiệm hoặc mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm

quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định.

+ Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức kiêm nhiệm cao nhất.

- Về việc triển khai sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã về làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Văn bản của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:

Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 4.138 người.

+ Số lượng đã đề nghị giải quyết chế độ chính sách: 1.649 người.

+ Số đã bố trí về thôn, tổ dân phố: 62 người

+ Số còn lại: 2.427 người (trong đó đã bố trí vị trí hỗ trợ, phục vụ các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp xã 1.972 người).

3. Đánh giá chung

a) Những kết quả đạt được

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố ngày càng ổn định, kịp triển khai các chương trình, kế hoạch, nghị quyết, và chính sách của Đảng và Nhà nước đến từng hộ dân; tuyên truyền, phổ biến pháp luật và vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật; kịp thời giải quyết các vấn đề xã hội tại địa phương như an ninh trật tự, môi trường, phát triển kinh tế, văn hóa; tạo cầu nối giữa chính quyền và nhân dân, giúp lãnh đạo địa phương nắm bắt được nguyện vọng, ý kiến, và yêu cầu của cộng đồng dân cư,...

- Phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được triển khai hiệu quả, huy động được sức dân cùng tham gia; đã có các mô hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống người dân; hạ tầng thiết yếu (điện, đường, trường, trạm, môi trường) từng bước được nâng cấp, sửa chữa nhờ sự phối hợp của nhân dân và chính quyền.

- Tổ chức tự quản ở cộng đồng (ban công tác Mặt trận, chi bộ, các đoàn thể) được củng cố, hoạt động nền nếp, có sự phối hợp chặt chẽ với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố; dân chủ ở cơ sở được phát huy; đội ngũ trưởng thôn, tổ trưởng dân phố từng bước nâng cao kỹ năng điều hành, gắn bó, gần gũi nhân dân.

- Hoạt động của thôn, tổ dân phố trong thời gian qua đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đồng thời khẳng định vai trò là hạt nhân đoàn kết, nền tảng vững chắc của hệ thống chính trị ở cơ sở.

b) Những hạn chế, khó khăn

- Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các Ban thôn, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc và các chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố một số nơi còn hạn chế, chưa thường xuyên, chặt chẽ.

- Việc xây dựng đội ngũ người hoạt không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đủ trình độ, năng lực còn gặp nhiều khó khăn; người trẻ tuổi có trình độ nhưng thiếu kinh nghiệm và không muốn tham gia và ngược lại những người có kinh nghiệm thì lại thiếu trình độ, hoạt động chủ yếu từ kinh nghiệm.

- Một số người hoạt động không chuyên trách đã được bồi dưỡng về quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ nhưng gặp khó khăn trong việc áp dụng những kiến thức vào thực tiễn giải quyết công việc cụ thể trên địa bàn; một số người chưa nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc do vậy trong giải quyết các vấn đề phát sinh trên địa bàn còn lúng túng, giải quyết công việc theo cảm tính, chưa đúng quy trình; đội ngũ không ổn định, quá trình công tác lại thường xuyên có sự thay đổi về nhân sự ảnh hưởng tới kết quả thực hiện nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại một số thôn, tổ dân phố chưa tốt, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chế độ, chính sách, mức phụ cấp hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách, người làm việc ở thôn, tổ dân phố tuy đã tăng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; mặt khác, khối lượng công việc ở thôn, tổ dân phố nhiều, địa bàn rộng nhưng trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công việc còn hạn chế (như: thiếu loa đài, máy tính, bàn, ghế,..) đã ảnh hưởng đến giải quyết các công việc tại thôn, tổ dân phố.

- Việc huy động nhân dân tham gia Hội nghị của thôn, tổ dân phố còn gặp nhiều khó khăn, đôi lúc chưa đảm bảo theo quy định nên việc triển khai những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân để người dân biết đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

- Do đặc thù một số thôn, tổ dân phố xen kẽ giữa người kinh và người dân tộc thiểu số nên đôi lúc khó khăn khi triển khai các nhiệm vụ trên địa bàn.

- Số lượng dân cư ở thôn, tổ dân phố phân bố không đồng đều, có những thôn, tổ dân phố dân số đông, địa bàn phân bố dân cư rộng dẫn đến khó khăn trong việc quản lý dân cư, nên cán bộ thôn, tổ dân phố không thể sâu sát đến từng hộ gia đình, việc tự quản an ninh trật tự gặp khó khăn.

c) Nguyên nhân

- Khả năng diễn đạt, trình bày, truyền tải nội dung của cán bộ thôn, tổ dân phố có mặt còn hạn chế, chưa thu hút được sự tham gia hội họp của người dân.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hình thành do nhân dân tín nhiệm bầu, chưa gắn với quy hoạch, đào tạo nguồn, chưa chú trọng đến kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn nên năng lực chuyên môn còn hạn chế; một số người vừa tham gia lao động sản xuất, phát

triển kinh tế gia đình, vừa đảm nhiệm công việc của thôn, tổ dân phố, do đó thời gian dành cho hoạt động chưa chuyên sâu, kịp thời.

- Người hoạt động chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố đa phần là người lớn tuổi, hưu trí nên có nhiều hạn chế về sức khỏe nhưng không có đội ngũ cán bộ trẻ kế thừa; mức phụ cấp còn nên chưa động viên, khích lệ được những đối tượng trẻ tuổi, có trình độ tham gia, gắn bó với hoạt động của thôn, tổ dân phố.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về tổ chức của thôn, tổ dân phố

Theo quy định hiện hành, mỗi thôn, tổ dân phố có Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và trong trường hợp cần thiết bố trí 01 Phó Trưởng thôn, 01 Tổ phó tổ dân phố; tuy nhiên, ở thôn, tổ dân phố hiện nay khối lượng công việc rất nhiều, không thể đảm nhận hết công việc trong tình hình mới; đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, căn cứ vào quy mô dân số, đặc điểm của từng loại thôn, tổ dân phố quy định cụ thể số lượng Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố cho phù hợp.

2. Về nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Đề nghị tổ chức tập huấn bồi dưỡng, nâng cao hơn nữa năng lực, trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản cho đội ngũ cán bộ hoạt động thôn, tổ dân phố.

3. Về điều kiện, quy trình thành lập mới, sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố và việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện hành

- Đề xuất quy định về quy mô số hộ gia đình theo mức tối thiểu để thành lập thôn, tổ dân phố.

- Khi thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với năng lực quản lý của ĐVHC cấp xã (mới), bảo đảm tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động, đề nghị Trung ương quy định cụ thể mức quy mô phải sáp nhập để địa phương căn cứ tiêu chuẩn thực hiện.

- Về quy trình và thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Về nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố và việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

- Tiêu chuẩn đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Tối thiểu có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, có am hiểu về tin học (trình độ tin học cơ bản), là người tại địa phương, có am hiểu về dân cư, phong tục tập quán tại địa phương.

- Tiêu chuẩn đối với Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là người tại địa phương, có am hiểu về dân cư, phong tục tập quán tại địa phương.

- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố lấy ý kiến Nhân dân trước khi được đưa ra lấy ý kiến của cấp ủy đảng.

5. Về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Đề nghị xem xét nâng mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố phù hợp với nhiệm vụ, yêu cầu được giao, góp phần nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Các nội dung kiến nghị khác để sắp xếp thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Quan tâm hỗ trợ kinh phí nâng cấp, đầu tư xây dựng hội trường tổ dân phố, thôn phần lớn đã bị xuống cấp, hoặc diện tích nhỏ hẹp để đảm bảo sinh hoạt của người dân ở cộng đồng dân cư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP;
- Lưu: VT, C8. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

Tổng hợp số liệu về thôn, tổ dân phố

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. Số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Tổng số thôn, tổ dân phố			Quy mô số hộ gia đình (hộ) của thôn				Quy mô số hộ gia đình (hộ) của Tổ dân phố			
Tổng số	Số thôn	Số tổ dân phố	Dưới 150 hộ	Từ 150- dưới 350 hộ	Từ 350 đến 500 hộ	Trên 500 hộ	Dưới 300 hộ	Từ 300 đến 500 hộ	Từ 500 đến 1.000 hộ	Trên 1.000 hộ
2.693	2.028	665	446	1.065	315	191	190`	283	176	19

II. Số lượng thôn, tổ dân phố ở đặc khu và xã đảo (Nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở đặc khu			Số thôn, Tổ dân phố ở ĐVHC được công nhận là xã đảo còn lại (không tính các đặc khu)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố
0	0	0	3	3	0

III. Số lượng thôn, tổ dân phố ở khu vực biên giới; địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (Nếu có)

Số Thôn, Tổ dân phố ở khu vực biên giới (ĐVHC cấp xã đã được công nhận là xã biên giới đất liền theo quy định hiện hành)			Số thôn, Tổ dân phố thuộc ĐVHC được công nhận là trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (không tính các trường hợp đã được công nhận là đặc khu, xã đảo, xã biên giới theo quy định hiện hành)		
Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố	Tổng số	Số thôn	Số Tổ dân phố
49	49	0	0	0	0

Phụ lục 02

Tổng hợp người hoạt động không chuyên trách (HĐKCT) ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. Số lượng người hoạt động HĐKCT; người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

Số người HĐKCT (trường hợp kiêm nhiệm thì chỉ tính ở một chức danh và ghi rõ chức danh kiêm nhiệm)					Số người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố
Tổng số	Bí Thư chi bộ	Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác mặt trận	Việc thực hiện kiêm nhiệm (Bí thư kiêm Trưởng thôn/ Tổ trưởng Tổ dân phố; Bí thư kiêm trưởng Ban công tác Mặt trận...)	Tổng số
7.369	2.632	1.219	2.510	1.569	14.538

II. Số lượng người HĐKCT ở cấp xã đã bố trí về thôn, tổ dân phố

Tổng số	Số đã đề nghị giải quyết chế độ, chính sách	Số đã bố trí về thôn, tổ dân phố	Số còn lại
4.138	1.649	62	2.427

III. Chế độ, chính sách đối với người HĐKCT; người tham gia hoạt động ở thôn, Tổ dân phố

1. Người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức phụ cấp chi cho người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của địa phương (trên một tháng và trên một năm):

* Đối với tỉnh Gia Lai cũ:

Mức phụ cấp ở thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại I là 5,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng; 60 lần mức lương cơ sở/người/năm.

Mức phụ cấp ở thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại II là 3,95 lần mức lương cơ sở/người/tháng; 47,4 lần mức lương cơ sở/người/năm.

* Đối với tỉnh Bình Định cũ

Mức phụ cấp ở thôn, khu phố được hưởng mức phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng; 54 lần mức lương cơ sở/người/năm.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

- Tổng mức hỗ trợ cho người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán của địa phương của toàn tỉnh/thành phố (trên một tháng và trên một năm):

+ *Đối với tỉnh Gia Lai cũ:* 0,75 lần mức lương cơ sở/người/tháng; 9 lần mức lương cơ sở/người/năm (gồm các chức danh: Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, phó Tổ trưởng tổ dân phố, Chi hội trưởng CCB, Chi hội trưởng HLHPN, Chi Hội trưởng HND, Bí thư Đoàn thanh niên)

+ *Đối với tỉnh Bình Định cũ:*

(1) Phó Trưởng thôn, khu phố: 1.260.000 đồng/người/tháng;

(2) Chi hội trưởng Nông dân, Chi hội trưởng Phụ nữ, Chi hội trưởng Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 540.000 đồng/người/tháng.

- Mức hỗ trợ trung bình trên một ĐVHC cấp xã; trên một ĐVHC cấp thôn/tổ dân phố (*trên một tháng và trên một năm*): 4,5 lần mức lương cơ sở/tháng; tổng mức phụ cấp trong năm người trực tiếp tham gia công tác ở thôn: 54 lần mức lương cơ sở/năm.